

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Sử dụng phương pháp chấm điểm để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật.

3.1. Đánh giá theo phương pháp chấm điểm:

E-HSMT có tổng số điểm (cũng như số điểm của một số tiêu chuẩn tổng quát) đạt bằng hoặc vượt mức điểm yêu cầu tối thiểu sẽ được đánh giá là đạt yêu cầu về kỹ thuật và được tiếp tục xem xét về tài chính.

Điểm kỹ thuật của từng tiêu chuẩn tổng quát được tính theo điểm kỹ thuật của các tiêu chuẩn chi tiết theo công thức sau:

$$S_j \equiv \sum_{i=1}^k t_{ji} * w_{ji}$$

Trong đó:

t_{ji} = điểm kỹ thuật của tiêu chuẩn chi tiết “i” trong tiêu chuẩn tổng quát “j”,

w_{ji} = tỷ trọng của tiêu chuẩn chi tiết “i” trong tiêu chuẩn tổng quát “j”,

k = số lượng tiêu chuẩn chi tiết trong tiêu chuẩn tổng quát “j”, và

$$\sum_{i=1}^k w_{ji} = 1$$

Tổng điểm kỹ thuật được tính theo công thức sau:

$$T \equiv \sum_{j=1}^n S_j * W_j$$

Trong đó:

S_j = điểm kỹ thuật của tiêu chuẩn tổng quát “j”

W_j = tỷ trọng của tiêu chuẩn tổng quát “j”

n = số lượng tiêu chuẩn tổng quát, và

$$\sum_{j=1}^n W_j = 1$$

Nội dung đánh giá		Chấm điểm (với thang điểm 100)	
		Điểm tối đa	Điểm tối thiểu
1. Đặc tính kỹ thuật của hàng hóa		40	32
Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn	- Có đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ hoàn toàn phù hợp với yêu cầu của E-HSMT.	40	

chế tạo và công nghệ, bao gồm các yếu tố như công suất, hiệu suất của máy móc, thiết bị; mức tiêu hao nguyên nhiên liệu.	- Có cùng xuất xứ với hàng hóa của gói thầu theo chỉ dẫn tại Chương V		
	- Có một số đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ chưa phù hợp yêu cầu của E-HSMT, hoặc: - Có xuất xứ khác với hàng hóa của gói thầu theo chỉ dẫn tại Chương V.	20	
	Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ không phù hợp, không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT.	0	
2. Giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp hàng hóa		30	24
	- Trình bày giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp hàng hóa đầy đủ, hợp lý, đảm bảo chất lượng, phù hợp với điều kiện thực tế của nhà máy. - Thuyết minh đầy đủ, chi tiết tính năng kỹ thuật, quy trình hoạt động (vận hành) đối với hàng hóa của gói thầu - Có đề xuất đầy đủ, khả thi về phương án bảo mật thông tin gói thầu.	30	
	Trình bày giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp hàng hóa chưa đầy đủ, chưa hợp lý hoặc chưa phù hợp với điều kiện thực tế của nhà máy. Hoặc: Thuyết minh tính năng kỹ thuật, quy trình hoạt động (vận hành) đối với hàng hóa của gói thầu không đầy đủ hoặc không hợp lý. Hoặc: Không đề xuất đầy đủ và khả thi về phương án bảo mật thông tin gói thầu.	15	
	Không trình bày giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp hàng hóa. Hoặc: Không thuyết minh tính năng kỹ thuật, quy trình hoạt động (vận hành) đối với hàng hóa của gói thầu. Hoặc: Không đề xuất phương án bảo mật thông tin gói thầu.	0	
3. Tiến độ cung cấp hàng hóa		5	4

	- Có Bảng tiến độ cung cấp hàng hóa hợp lý, khả thi, phù hợp với đề xuất kỹ thuật và tiến độ thực hiện gói thầu. - Đề xuất tiến độ thực hiện gói thầu < 30 ngày.	5	
	- Có Bảng tiến độ cung cấp hàng hóa hợp lý, khả thi, phù hợp với đề xuất kỹ thuật và tiến độ thực hiện gói thầu. - Đề xuất tiến độ thực hiện gói thầu 30 ÷ 40 ngày.	4	
	Không có hoặc có Bảng tiến độ cung cấp hàng hóa nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất kỹ thuật. Hoặc: Đề xuất tiến độ thực hiện gói thầu > 40 ngày.	0	
4. Khả năng thích ứng và tác động đối với môi trường		5	4
4.1 Khả năng thích ứng về địa lý		1	
Khả năng thích ứng về địa lý.	Hàng hóa được cung cấp hoàn toàn thích ứng về địa lý.	1	
	Hàng hóa được cung cấp không thích ứng về địa lý.	0	
4.2 Tác động đối với môi trường và biện pháp giải quyết		4	
Hàng hóa được cung cấp có ảnh hưởng tác động đến môi trường và đề xuất biện pháp giải quyết.	Hàng hóa được cung cấp không có ảnh hưởng tác động nhiều đến môi trường và đề xuất biện pháp giải quyết hợp lý.	4	
	Hàng hóa được cung cấp có ảnh hưởng tác động đến môi trường và có đề xuất biện pháp giải quyết.	3	
	Hàng hóa được cung cấp có ảnh hưởng tác động nhiều đến môi trường và không đề xuất được biện pháp giải quyết.	0	
5. Bảo hành		5	4
Thời gian bảo hành. Trình bày kế hoạch cung cấp dịch vụ bảo hành.	- Thời gian bảo hành 7 năm (hoặc 500.000 km tùy điều kiện nào đến trước). - Trình bày kế hoạch cung cấp dịch vụ bảo hành đầy đủ, đúng quy định của nhà sản xuất.	5	
	Không đáp ứng 1 (một) trong các yêu cầu nêu trên.	0	
6. Uy tín của nhà thầu		5	4

a) Kinh nghiệm của nhà thầu thông qua việc thực hiện các hợp đồng tương tự trước đó		4	
- Số lượng hợp đồng tương tự \geq 02 hợp đồng.		4	
- Số lượng hợp đồng tương tự = 01 hợp đồng.		3	
- Không có hợp đồng tương tự.		0	
b) Uy tín của nhà thầu thông qua thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP, chất lượng hàng hóa tương tự được công khai theo quy định tại Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP (Nhà thầu có văn bản cam kết đính kèm)		1	
- Không có hợp đồng.		1	
- Có hợp đồng.		0	
7. Các yếu tố về điều kiện thương mại, thời gian giao hàng, bảo dưỡng bảo hành, cung cấp các dịch vụ sau bán hàng		10	8
	- Có điều kiện thương mại (tạm ứng, thanh toán, thanh quyết toán...), thời gian giao hàng, chuyển giao kỹ thuật, cung cấp các dịch vụ sau bán hàng chi tiết, hợp lý, khả thi. - Có thuyết minh chương trình, kế hoạch kiểm tra, bảo dưỡng bảo hành chi tiết và hợp lý.	10	
	- Có điều kiện thương mại (tạm ứng, thanh toán, thanh quyết toán...), thời gian giao hàng, chuyển giao kỹ thuật, cung cấp các dịch vụ sau bán hàng hợp lý, khả thi. - Có thuyết minh chương trình, kế hoạch kiểm tra, bảo dưỡng bảo hành đầy đủ, cụ thể.	8	
	- Đề xuất điều kiện thương mại (tạm ứng, thanh toán, thanh quyết toán...), thời gian giao hàng, chuyển giao kỹ thuật, cung cấp các dịch vụ sau bán hàng không cụ thể, đầy đủ. Hoặc: - Không có hoặc có thuyết minh nhưng sơ sài về chương trình, kế hoạch kiểm tra, bảo dưỡng bảo hành.	5	
	Không đề xuất các điều kiện thương mại (tạm ứng, thanh toán, thanh quyết toán...),	0	

	thời gian giao hàng, cung cấp các dịch vụ sau bán hàng.		
Tổng cộng		100	80